

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-PT

Ngày 06 - 01 - 2025

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 296/2024/TLPT-DS ngày 15/10/2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DSST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 360/2024/QĐXX-PT ngày 19/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2024/QĐ-PT ngày 05/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phương T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: 96/2 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 130/14 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 02B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Văn H1 - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ A.DV01, tầng 01, tòa nhà Khu A, dự án phát triển nhà ở xã hội, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Thùy M, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: 41 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3.2 Ông Lương Đình K, sinh năm 1966 (có mặt) và bà Lưu Thị L, sinh năm

1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: 122 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Phương T trình bày:*

Năm 2020 bà T nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Thùy M thửa đất số 341, tờ bản đồ số 69, diện tích là 101,1 m² tại xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà T kê khai và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 352128 ngày 12/02/2020 đứng tên Võ Thị Phương T. Đến khoảng tháng 4/2023, bà Nguyễn Thị S xây dựng hàng rào giữa hai nhà đã lấn chiếm sang diện tích đất của bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất lấn chiếm là 37,1 m². Bà T đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã C tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà T đề nghị tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 32 m² thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ số 69. Sau khi có kết quả đo đạc chính xác trên thực địa, ngày 04/5/2024 bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S trả lại diện tích đất lấn chiếm là 37,1 m². Đồng thời, buộc bà S tháo dỡ tài sản trên diện tích đất lấn chiếm là tường xây gạch cao khoảng 0,8m và 07 trụ bê tông.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Văn H1 trình bày:*

Năm 2018 bà S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Lê Thị Tố N diện tích 104,4 m² Thuộc thửa đất số 340, tờ bản đồ số 69, tại xã C, thành phố B. Thời điểm nhận chuyển nhượng bà Nguyễn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 301771 do Sở TN&MT tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/3/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma T xác nhận chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị S ngày 18/12/2018. Theo sơ đồ thửa đất thì chiều ngang mặt đường của lô đất là 5 m và chiều ngang phía sau là 5,05m. Hiện nay bà Nguyễn Thị S đang sử dụng đúng như diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Tố N. Đối với hàng rào bà S đã xây vào năm 2022. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương T là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Đình K và bà Lưu Thị L cùng trình bày:*

Ngày 30/3/2022 vợ chồng ông K, bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 128,9 m² thửa đất số 342, tờ bản đồ số 69 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD236150 ngày 30/03/2022 thời điểm đó các lô đất đều có mốc giới. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng, ông K, bà L đã xây hàng rào ranh giới với đất của bà T, không xảy ra tranh chấp. Thời điểm này đất giữa bà T

và bà S có mốc đóng cọc chứ chưa xây hàng rào, sau đó bà S xây hàng rào mới xảy ra tranh chấp với bà T. Ông K và bà L đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thùy M trình bày:**

Khoảng tháng 02/2020 bà M chuyển nhượng cho T thửa đất số 341 tờ bản đồ số 69, diện tích là 101,1 m². Khi sang nhượng bà M đã bàn giao đầy đủ đúng giấy tờ, bàn giao đất trên thực địa, có cột mốc ranh giới như trên giấy chứng nhận. Sau đó bà S xây hàng rào mới xảy ra tranh chấp với bà T. Do bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa, nên bà M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 105/2024/QĐST-DS ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng Điều 100, Điều 166, Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương T về việc: Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ tài sản trên đất hàng rào là tường xây gạch cao khoảng 0,8 m và 07 trụ bê tông và trả lại diện tích đã lấn chiếm là 37,1 m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ số 69 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 352128 ngày 12/02/2020 cho bà Võ Thị Phương T.

Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường bê tông dài 0,5m; Phía Tây giáp thửa đất 608 dài 3,3m; Phía Nam giáp thửa đất 341 cạnh dài 22,4m; Phía Bắc giáp thửa 340 đất bà S dài 19,4 m.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/7/2024 bà Nguyễn Thị S kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Phương T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày bổ sung: khi bà S nhận chuyển nhượng đất, bà S đã bàn giao tiền và nhận đất ngoài thực địa, có các ranh giới mốc bằng trụ bê tông còn nguyên trạng, bà S sử dụng ổn định đến tháng 7 năm 2022 thì tiến hành xây bờ rào theo các mốc giới đó. Đến tháng 11 năm 2023 bà T mới làm đơn tranh chấp đất đai đến UBND xã C, lúc này bà S mới biết quyền sử dụng đất bị tranh chấp với bà T. Quá trình bà S xây dựng thì bà T biết và không yêu cầu tạm dừng việc xây dựng, do đó việc bà S xây dựng là đúng hiện trạng và tứ cận thửa đất của mình. Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm xác định chủ thửa đất 339 xây dựng lấn sang thửa đất của bà S nhưng không triệu tập chủ thửa đất 339 vào tham gia tố tụng và theo hồ sơ vụ án thì không có căn cứ nào chứng minh chủ thửa đất 339 lấn đất của bà S, nhưng lại hướng dẫn bà

S khởi kiện chủ thửa đất 339 là không phù hợp. Bản án sơ thẩm nhận định chủ đất trước đây là người đồng bào đã bán cho công ty bất động sản đã phân lô thành nhiều thửa để bán và thửa cuối cùng là 339, do vậy các hộ lân theo dây chuyền dẫn đến bà S thiếu đất và rào lấn đất bà T, tuy nhiên hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ chứng minh nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ bản lồng ghép của Công ty tư vấn nông lâm nghiệp làm căn cứ xác định việc tranh chấp lấn đất của nhau là không có cơ sở, bởi sơ đồ lồng ghép này chỉ mang mục đích tham khảo không có giá trị về mặt pháp lý. Do Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng dẫn đến ra bản án chưa khách quan, không đảm bảo lợi ích cho các đương sự, vi phạm thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, buộc bà S trả lại diện tích đất lấn chiếm 37,1 m² thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ số 69 và buộc tháo dỡ tài sản trên đất là phù hợp. Tuy nhiên, bà S là người cao tuổi, Thuộc trường hợp được miễn án phí. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà S, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu T thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S.

[2.1]. Đối với thửa đất số 341, tờ bản đồ số 69, diện tích 101,1 m², địa chỉ xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 352128 ngày 12/02/2020 đứng tên Võ Thị Phương T.

Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: thửa đất 341 có diện tích 101,1 m², tứ cận phía đông giáp đường rộng 05 m, phía tây giáp thửa đất số 170 rộng 5,05 m, phía nam giáp thửa đất số 342 dài 19,88 m, phía bắc giáp thửa đất số 340 dài 20,54 m. Hình thể thửa đất là hình thang, các cạnh nam, bắc là đường thẳng vuông góc với cạnh đông, còn cạnh phía tây là đường chéo.

Tại trích đo hiện trạng thửa đất ngày 08/4/2024 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc, tư vấn N thể hiện: thửa đất 341 có diện tích 73,1 m², tứ cận phía đông giáp đường rộng 4,89 m, phía tây giáp thửa đất số 608 rộng 1,7 m, phía nam giáp thửa đất số 342 dài 22,67 m, phía bắc giáp với thửa đất số 340 dài 23,0 m. Hình thể thửa đất là một hình thang, cạnh phía nam là đường thẳng vuông góc với cạnh phía đông, còn cạnh phía tây, phía bắc là đường chéo.

Tại sơ đồ lồng ghép thửa đất trên giấy chứng nhận và trên hiện trạng thể hiện: thửa đất số 341 có diện tích thực tế ít hơn so với giấy chứng nhận 28 m^2 ($101,1 \text{ m}^2 - 73,1 \text{ m}^2$), trong đó cạnh phía đông có chiều rộng ít hơn $0,11 \text{ m}$ ($5 \text{ m} - 4,89 \text{ m}$), phía tây ít $3,35 \text{ m}$ ($5,05 \text{ m} - 1,7 \text{ m}$), phía nam nhiều hơn $2,79 \text{ m}$ ($22,67 \text{ m} - 19,88 \text{ m}$), phía bắc nhiều hơn $1,91 \text{ m}$ ($22,45 \text{ m} - 20,54 \text{ m}$).

[2.2]. Đối với thửa đất số 340, tờ bản đồ số 69, diện tích $104,4 \text{ m}^2$, địa chỉ tại xã C, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 301771 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/3/2018, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác nhận chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị S ngày 18/12/2018.

Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: thửa đất 340 có diện tích $104,4 \text{ m}^2$, tứ cận phía đông giáp đường rộng 05 m , phía tây giáp thửa đất số 170 rộng $5,05 \text{ m}$, phía nam giáp thửa đất số 341 dài $20,54 \text{ m}$, phía bắc giáp thửa đất số 339 dài $21,21 \text{ m}$. Hình thể thửa đất là hình thang, các cạnh nam, bắc là đường thẳng vuông góc với cạnh đông, còn cạnh tây là đường chéo.

Tại trích đo hiện trạng thửa đất ngày 08/4/2024 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đo đạc, tư vấn N thể hiện: thửa đất 340 diện tích 113 m^2 , tứ cận phía đông giáp đường rộng $4,99 \text{ m}$, phía tây giáp thửa đất số 608 rộng 5 m , phía nam giáp thửa đất 341 dài $22,45 \text{ m}$, phía bắc giáp thửa đất số 339 dài $23,01 \text{ m}$. Hình thể thửa đất là hình thang, các cạnh dài phía đông, tây, nam, bắc đều là đường chéo không vuông góc.

Tại sơ đồ lồng ghép thửa đất trên giấy chứng nhận và trên hiện trạng thể hiện: thửa đất số 340 có diện tích thực tế nhiều hơn so với giấy chứng nhận $11,6 \text{ m}^2$ ($113 \text{ m}^2 - 101,4 \text{ m}^2$), trong đó cạnh phía đông ít hơn $0,1 \text{ m}$ ($5 \text{ m} - 4,99 \text{ m}$), phía tây ít hơn $0,05 \text{ m}$ ($5,05 \text{ m} - 5 \text{ m}$), cạnh phía nam nhiều hơn $1,91 \text{ m}$ ($22,45 \text{ m} - 20,54 \text{ m}$), phía bắc nhiều hơn $1,8 \text{ m}$ ($23,01 \text{ m} - 21,21 \text{ m}$).

[2.3]. Về ranh giới đất giữa hai thửa đất số 341 của bà Võ Thị Phương T và thửa đất số 340 của bà Nguyễn Thị S.

Theo trình bày của nguyên đơn bà T, trước khi xảy ra tranh chấp thì ranh giới giữa hai nhà là trụ bê tông, theo đó cạnh phía đông có trụ bê tông cách tường gạch xây về phía đất bà S là $0,5 \text{ m}$, cạnh phía tây có trụ bê tông cách tường gạch xây về phía đất bà S là $3,35 \text{ m}$. Sau này bị đơn bà S xây dựng tường đã lấn sang đất của bà T. Theo trình bày của bị đơn bà S, trước khi xảy ra tranh chấp thì ranh giới giữa hai nhà là trụ bê tông, sau này bà S xây tường rào chông lên đúng vị trí của trụ bê tông, bà không lấn chiếm sang đất của bà T. Tuy nhiên, nguyên đơn bà T lại xác định tường rào là do bị đơn xây sau này. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên không có cơ sở xác định ranh giới giữa hai nhà là bức tường hiện trạng.

Tại trích đo hiện trạng thửa đất và sơ đồ lồng ghép tham khảo giữa các thửa đất trên thực tế và trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 338, 339, 340, 341, 342 thể hiện: vị trí các cạnh thửa đất số 342 của ông Lương Đình K giáp với cạnh phía nam của thửa đất số 341 của bà T là trùng khớp với nhau, còn các cạnh của các thửa đất số 338, 339, 340, 341 đều không trùng khớp với nhau.

Trong đó, cạnh dài phía bắc thửa đất số 341 của bà T (đồng thời cũng là cạnh dài phía nam thửa đất số 340 của bà S) trên giấy chứng nhận cách bức tường hiện trạng từ 0,5 m đến 3,35 m. Như vậy, lấy cạnh dài phía nam của thửa đất số 341, 342 làm chuẩn (ranh giới trên giấy chứng nhận trùng khớp với ranh giới trên hiện trạng) thì thửa đất số 340 của bà S đang lấn sang thửa đất số 341 của bà T 37,1 m². Thửa đất số 339 có ranh giới trên giấy chứng nhận lấn sang thửa đất số 340 của bà S. Toà án cấp sơ thẩm xác định bà S đã xây tường lấn chiếm sang thửa đất số 340 của bà T 37,1 m² và buộc bà S phải tháo dỡ hàng rào trả lại diện tích đất cho bà T là phù hợp Điều 174, 175, 176 Bộ luật Dân sự.

[3]. Từ những phân tích, nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà S.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng Điều 174, Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự; Điều 97, Điều 166, Điều 168, Điều 170 Luật Đất đai; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương T.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ tài sản trên đất là tường xây gạch dài 22,45m, cao khoảng 0,8m và 07 trụ bê tông và trả lại diện tích đã lấn chiếm là 37,1m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ số 69, địa chỉ xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 352128 ngày 12/02/2020 cho bà Võ Thị Phương T.

Phần diện tích đất 37,1 m² có tứ cận: Phía Đông giáp đường bê tông dài 0,5m; Phía Tây giáp thửa đất số 608 dài 3,3m; Phía Nam giáp thửa đất số 341 dài 22,45m; Phía Bắc giáp thửa đất số 340 dài 19,4m.

[2.2]. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà S.

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Phương T số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005135 ngày 12/01/2024 và số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0010063 ngày 14/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[2.3]. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị S phải thanh toán cho bà Võ Thị Phương T 7.410.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS T.p Buôn Ma Thuột;
- TAND T.p Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hạnh Vân